

Bản án số: 143/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 28/11/2024

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Thẩm phán: 1. Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

2. Hoàng Thị Bích Duyên

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 92/2024/TLPT-HNGĐ ngày 01/10/2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 804/2024/HNGĐ-ST ngày 19/7/2024 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5508/2024/QĐ-PT ngày 14 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16321/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 11 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị An T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Số H, khu phố N, phường A, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tạm trú: Số B block A, chung cư S, đường G, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng Thái B, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số H, khu phố N, phường A, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Hoàng Thái B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn bà Trương Thị An T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hoàng Thái B chung sống với nhau từ năm 2019, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2019, đăng ký ngày 22/3/2019 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi kết hôn, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do ông B gia trưởng, nóng nảy, việc gì không vừa ý là có lời lẽ nặng lời, tục tĩu mắng bà. Ông B nhiều lần có hành vi bạo lực và đánh bà khoảng 4-5 lần, lúc ông B đánh thì bà cố gắng chịu đựng mà không báo với chính quyền địa phương, ngoài ra ông B còn có những hành động và lời nói thiếu tôn trọng đối với cha mẹ và gia đình bà. Đỉnh điểm của mâu thuẫn là tháng 12/2023, ông B đến nhà em bà, có mặt cha mẹ và mọi người trong gia đình bà thì ông B đã chửi bới thô tục, hăm dọa những người trong gia đình nên bà không thể tiếp tục sống chung với ông B được nữa, 03 mẹ con bà ra ngoài ở riêng và vợ chồng sống ly thân đến nay. Nay, bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà và ông B có 02 con chung là Nguyễn Trương Ánh N, sinh ngày 25/11/2016 và Nguyễn Hoàng Phương L, sinh ngày 17/5/2021. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con do bà có chỗ ở ổn định là nhà thuê hợp pháp, có công việc bán hàng trực tuyến với thu nhập đủ để nuôi con, có nhiều thời gian chăm sóc con và hiện nay hai con vẫn đang ở với bà. Còn ông B cũng làm nghề tự do và thường xuyên đi làm xa nhiều ngày mới về nên không đảm bảo việc nuôi con. Bà đảm bảo được cuộc sống nên không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập bị đơn ông Nguyễn Hoàng Thái B đến tòa giải quyết vụ án nhưng ông B vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 804/2024/HNGĐ-ST ngày 19/7/2024 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Trương Thị An T:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị An T được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Thái B.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2019, đăng ký ngày 22/3/2019 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực thi hành).

2. Về con chung: Có 02 (hai) con tên là Nguyễn Trương Ánh N sinh ngày 25/11/2016 và Nguyễn Hoàng Phương L sinh ngày 17/5/2021. Giao cả hai con cho bà Trương Thị An T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Trương Thị An T không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng Thái B cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Trường hợp phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ án khác.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền nghĩa vụ của cha mẹ với con chung sau khi ly hôn, quyền kháng cáo, việc thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/8/2024, bị đơn ông Nguyễn Hoàng Thái B có đơn kháng cáo một phần án sơ thẩm yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng Phương L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng Thái B đồng thời là người kháng cáo trình bày: quá trình giải quyết vụ án ông và bà T đã thỏa thuận miệng với nhau khi ly hôn bà T sẽ nuôi con Nguyễn Trương Ánh N, ông B nuôi con Nguyễn Hoàng Phương L vì vậy ông có nhận được thông báo và giấy triệu tập của tòa án đến tòa tự khai, công khai chứng cứ, hòa giải xét xử hai lần nhưng ông bận việc và con còn nhỏ chưa muốn ly hôn nên ông không đến tòa án giải quyết. Nay án sơ thẩm giao cả hai con chung cho bà T nuôi thì ông không đồng ý vì ông là người đóng tiền học cho hai con và đang làm thợ điện lạnh tại nhà thu nhập khoảng 50 đến 100 triệu đồng/tháng, có chỗ ở nên có đủ điều kiện nuôi con. Thực tế con Phương L vẫn đang ở cùng với ông, ông không đồng ý cách nuôi dạy con của bà T, vì vậy ông yêu cầu tòa án giao con Phương L cho ông nuôi dưỡng về mặt pháp lý như đã thỏa thuận trước đó với bà T để ông có quyền nuôi dạy con theo cách của mình. Tài sản chung, nợ chung ông không yêu cầu tòa án giải quyết nên không trình bày.

Nguyên đơn bà Trương Thị An T có bản khai ngày 25/10/2024 yêu cầu giữ nguyên án sơ thẩm để bà được tiếp tục nuôi 2 con vì cuộc sống đã ổn định và bà chăm lo cho các con được không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con, do bận công việc bà yêu cầu được xét xử vắng mặt trong suốt quá trình xét xử phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu: những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật. Bà T, ông B có đăng ký kết hôn nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Đối với việc ly hôn, nuôi dưỡng con Ánh N các đương sự không kháng cáo nên không xét. Đối với yêu cầu kháng cáo xin nuôi con Phương L của ông B: ông B khai ông và bà T có thỏa thuận miệng việc giao con Phương L cho ông B nuôi sau khi ly hôn nhưng bà T không thừa nhận hai bên có thỏa thuận này, ông B không có chứng cứ chứng minh việc thỏa thuận giao nuôi con như ông khai trên đồng thời lại vắng mặt tại tòa sơ thẩm nên án sơ thẩm giao con chung Phương L cho bà T nuôi là có cơ sở. Về tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu giải quyết nếu sau này phát sinh tranh chấp thì giải quyết trong vụ án khác. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông B, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng Thái B làm trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, phù hợp với quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đơn kháng cáo được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Bà Trương Thị An T và ông Nguyễn Hoàng Thái B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo giấy đăng ký kết hôn số 30/2019, đăng ký ngày 22/3/2019 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Do cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà T có đơn kiện xin ly hôn với ông B tại Tòa án nhân dân Quận 12 và được tòa sơ thẩm chấp nhận, phần này đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên không xét.

Về con chung: Có 02 (hai) con tên là Nguyễn Trương Ánh N sinh ngày 25/11/2016 và Nguyễn Hoàng Phương L sinh ngày 17/5/2021, bản án sơ thẩm giao cả hai con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Theo ông B trình bày ông kháng cáo yêu cầu được nuôi con Nguyễn Hoàng Phương L vì trước đó ông đã thỏa thuận miệng với bà T trường hợp ly hôn thì ông nuôi con Phương L, bà T nuôi con Ánh N. Xét thấy quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm ông B nhận được văn bản triệu tập đến tòa giải quyết vụ án như ông đã trình bày trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm nhưng ông không đến tòa giải quyết vụ án, không cung cấp chứng cứ thể hiện có việc thỏa thuận miệng về nuôi con của hai bên như ông B khai cũng như về điều kiện nuôi con của ông B, vì vậy tòa án không thể giao con cho người vắng mặt nuôi dưỡng. Tại tòa phúc thẩm ông B xác định không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh về điều kiện nuôi con của ông B, về việc bà T có thỏa thuận miệng giao cho ông nuôi con Phương L sau khi ly hôn như ông trình bày. Bà T trình bày bà và hai con chung L, N đã ra ngoài sống riêng từ tháng 12/2023 đến nay cuộc sống đã ổn định, bà T xác định có đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con do đó án sơ thẩm giao cả hai con chung cho bà T nuôi dưỡng là có căn cứ.

Về tài sản chung, nợ chung: bà T khai không có, ông B không yêu cầu tòa án giải quyết nên không trình bày, vì vậy hội đồng xét xử không xét, trường hợp phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông B, cần giữ nguyên án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí: do giữ nguyên án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm, theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, Điều 306, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 19, 56, 57, 81,82,83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

* Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng Thái B về mặt hình thức.

* Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hoàng Thái B. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 804/2024/HNGĐ-ST ngày 19/7/2024 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh như sau :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị An T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị An T được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Thái B.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2019, đăng ký ngày 22/3/2019 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực thi hành).

- Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Trương Ánh N sinh ngày 25/11/2016 và Nguyễn Hoàng Phương L sinh ngày 17/5/2021 cho bà Trương Thị An T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Trương Thị An T không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng Thái B cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ này, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Trường hợp phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

2. Về án phí và thi hành án:

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà Trương Thị An T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà T đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số 0021635 ngày 29/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm ông 300.000 đồng ông Nguyễn Hoàng Thái B phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông B đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số 0042059 ngày 12/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông B đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Phương